

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2025



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 45

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

Số 71 Lê Lai, Phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch	(Bổ nhiệm từ ngày 23/4/2025)
Ông Kek Chin Ann	Chủ tịch	(Miễn nhiệm từ ngày 23/4/2025)
Ông Nguyễn Thành Trung	Phó Chủ tịch	
Ông Nguyễn Tuấn Điệp	Thành viên	(Bổ nhiệm từ ngày 23/4/2025)
Bà Ngô Hà Chi	Thành viên	(Bổ nhiệm từ ngày 23/4/2025)
Ông Bùi Quốc Hưng	Thành viên	(Miễn nhiệm từ ngày 23/4/2025)
Ông Trần Hữu Hoàng	Thành viên	
Ông Wilson Cheah Hui Pin	Thành viên	(Miễn nhiệm từ ngày 23/4/2025)

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Đức Hạnh	Trưởng Ban	(Bổ nhiệm từ ngày 23/4/2025)
Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Trưởng Ban	(Miễn nhiệm từ ngày 23/4/2025)
Ông Nguyễn Việt Hoàng	Thành viên	(Bổ nhiệm từ ngày 23/4/2025)
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn Vũ	Thành viên	
Bà Trần Thị Minh Mẫn	Thành viên	(Miễn nhiệm từ ngày 23/4/2025)

Ban Giám đốc

Ông Trương Sỹ Toàn	Tổng Giám đốc	
Ông Cao Nhật Huy	Phó Giám đốc Sản xuất	(Thực hiện quyền điều hành tạm thời Nhà máy đồ hộp Hạ Long – Hải Phòng từ ngày 10/01/2026)

Người đại diện theo pháp luật

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị
---------------------	----------------------------

Kế toán trưởng và Phụ trách kế toán

Bà Bùi Thị Hương	Kế toán trưởng	(Từ nhiệm từ ngày 26/08/2025)
Ông Nguyễn Hữu Đức	Phụ trách kế toán	(Bổ nhiệm từ ngày 26/08/2025)

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Lãnh đạo Công ty khẳng định rằng, ngoài sự kiện đã được thuyết minh tại Thuyết minh số 31.1, không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Lãnh đạo được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Lãnh đạo xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ngoài ra, Ban Lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Lãnh đạo,



Nguyễn Anh Tuấn

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hải Phòng, ngày 14 tháng 05 năm 2026

Số: 687/2026/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Lãnh đạo
Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long (sau đây được gọi là “Công ty”) được lập ngày 14 tháng 05 năm 2026, từ trang 06 đến trang 45 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 31.1 của Báo cáo tài chính hợp nhất liên quan đến việc Công ty đã công bố thông tin liên quan đến việc nhận được thông báo của Cơ quan Cảnh sát điều tra Thành phố Hải Phòng về việc tạm giữ ông Trương Sỹ Toàn – Tổng Giám đốc của Công ty để phục vụ công tác điều tra. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty chưa nhận được thêm bất kỳ thông tin hay kết luận chính thức nào khác từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do đó, Công ty chưa ghi nhận các ảnh hưởng (nếu có) phát sinh từ sự kiện này trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025.

Nhằm đảm bảo hoạt động ổn định của Công ty, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 02A/2026/NQ-HĐQT và Nghị quyết số 02B/2026/NQ-HĐQT ngày 10/01/2026 quyết định tạm dừng ngắn hạn hoạt động sản xuất tại Nhà máy đồ hộp Hạ Long – Hải Phòng và thống nhất giao ông Cao Nhật Huy – Phó Giám đốc Sản xuất thực hiện quyền điều hành tạm thời nhà máy Đồ hộp Hạ Long – Hải Phòng trong thời gian Tổng Giám đốc Công ty tạm vắng mặt.

Đồng thời, như trình bày tại Thuyết minh số 31.3, ngày 08/01/2026, Tổ chức chứng nhận ISO đã gửi thông báo tạm đình chỉ hiệu lực Chứng nhận ISO 22000:2018 của Công ty cho đến khi có kết luận điều tra, đồng thời đề nghị Công ty thực hiện giải trình và cung cấp các hồ sơ, bằng chứng liên quan. Tuy nhiên, trong giai đoạn này, một số nhân sự chủ chốt của Công ty đang phối hợp phục vụ công tác điều tra nên việc làm việc và cung cấp hồ sơ cho tổ chức chứng nhận bị gián đoạn. Theo đó, ngày 10/01/2026, tổ chức chứng nhận đã ban hành quyết định số 2026-002/QĐ-CERT thu hồi Chứng chỉ ISO 22000:2018 của Công ty.

Công ty đã tạm ngừng hoạt động sản xuất nhằm ổn định tình hình và thực hiện các biện pháp khắc phục cần thiết. Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty đã thuê đơn vị tư vấn để cải tạo nhà xưởng, rà soát quy trình sản xuất, thu hẹp quy mô hoạt động và làm việc trở lại với tổ chức chứng nhận để thực hiện đánh giá cấp mới Chứng nhận ISO 22000:2018.

Ban Lãnh đạo Công ty tin tưởng rằng, sau khi hoàn thành các biện pháp khắc phục và đáp ứng các yêu cầu của tổ chức chứng nhận, Công ty sẽ được xem xét cấp lại Chứng nhận ISO 22000:2018 và từng bước khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường. Theo đó, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty vẫn được trình bày trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Chúng tôi cũng lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 8 liên quan đến hàng hóa và thành phẩm đã bán nhưng đang trong quá trình thu hồi theo các Biên bản trả hàng đã được ký xác nhận giữa Công ty và bên mua hàng. Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất này, toàn bộ số hàng hóa và thành phẩm nêu trên đã được thu hồi nhập kho Công ty. Giá trị hàng hóa và thành phẩm thu hồi đã được Công ty điều chỉnh giảm vào các chỉ tiêu “Các khoản giảm trừ doanh thu” và “Giá vốn hàng bán” trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Đồng thời, Công ty đã thực hiện phân loại và trích lập dự phòng đối với các hàng hóa, thành phẩm nêu trên theo đúng quy định hiện hành.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nêu trên.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1
Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 14 tháng 05 năm 2026

Bùi Đức Nam
Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5142-2025-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31/12/2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		334.761.110.326	242.000.155.108
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	13.802.377.845	22.143.304.133
Tiền	111		13.802.377.845	22.143.304.133
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		45.133.690.856	7.501.725.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		45.133.690.856	7.501.725.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		94.727.681.773	61.948.160.378
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	66.935.215.428	55.263.743.196
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		15.573.847.546	7.482.289.214
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	21.191.074.821	8.160.391.793
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(8.972.456.022)	(8.958.263.825)
Hàng tồn kho	140	8	170.226.941.540	145.314.363.141
Hàng tồn kho	141		189.855.576.826	148.254.305.812
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(19.628.635.286)	(2.939.942.671)
Tài sản ngắn hạn khác	150		10.870.418.312	5.092.602.456
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	1.265.206.079	2.436.289.663
Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.158.238.283	2.175.140.266
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	446.973.950	481.172.527
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		53.378.409.144	44.657.838.419
Các khoản phải thu dài hạn	210		718.891.444	670.164.171
Phải thu dài hạn khác	216	7	718.891.444	670.164.171
Tài sản cố định	220		48.996.602.528	40.860.091.080
Tài sản cố định hữu hình	221	11	36.232.855.326	28.049.243.878
- Nguyên giá	222		152.105.430.928	147.579.264.893
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(115.872.575.602)	(119.530.021.015)
Tài sản cố định vô hình	227	5	12.763.747.202	12.810.847.202
- Nguyên giá	228		15.055.562.202	15.055.562.202
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.291.815.000)	(2.244.715.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240		129.800.000	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		129.800.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		3.533.115.172	3.127.583.168
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	2.550.656.700	3.127.583.168
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		982.458.472	-
TỔNG TÀI SẢN	270		388.139.519.470	286.657.993.527


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		240.568.244.861	140.708.635.667
Nợ ngắn hạn	310		226.224.778.843	135.713.105.871
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	38.298.495.412	34.520.187.957
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.077.700.473	1.684.360.387
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	6.151.122.796	3.010.502.735
Phải trả người lao động	314		12.615.057.063	8.155.414.015
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	34.494.718.053	9.344.019.393
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	1.195.008.619	1.150.921.377
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	13	122.638.567.861	76.152.091.441
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	17	2.100.000.000	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.654.108.566	1.695.608.566
Nợ dài hạn	330		14.343.466.018	4.995.529.796
Phải trả dài hạn khác	337	16	282.500.163	300.500.163
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	13	9.247.114.722	130.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	17	4.813.851.133	4.565.029.633
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	18	147.571.274.609	145.949.357.860
Vốn chủ sở hữu	410		147.571.274.609	145.949.357.860
Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		15.753.387.350	15.753.387.350
Quỹ đầu tư phát triển	418		29.020.260.148	29.020.260.148
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		52.797.627.111	51.175.710.362
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		51.175.710.362	49.049.722.700
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		1.621.916.749	2.125.987.662
TỔNG NGUỒN VỐN	440		388.139.519.470	286.657.993.527

Hải Phòng, ngày 14 tháng 05 năm 2026

Người lập biểu



Dương Thị Thu Phương

Phụ trách kế toán



Nguyễn Hữu Đức

Chủ tịch Hội đồng quản trị




Nguyễn Anh Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	710.075.697.512	696.527.591.339
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	46.302.582.917	14.717.261.824
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		663.773.114.595	681.810.329.515
Giá vốn hàng bán	11	21	526.639.167.296	544.562.723.026
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		137.133.947.299	137.247.606.489
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	3.725.176.408	2.820.498.416
Chi phí tài chính	22	23	5.292.287.839	8.720.150.694
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.170.410.987	5.602.140.373
Chi phí bán hàng	25	24	100.877.741.791	96.723.816.555
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	30.696.099.040	31.651.364.668
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.992.995.037	2.972.772.988
Thu nhập khác	31		1.606.513.296	830.192.844
Chi phí khác	32		748.102.037	655.479.600
Lợi nhuận khác	40		858.411.259	174.713.244
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.851.406.296	3.147.486.232
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	4.211.948.019	1.021.498.570
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	27	(982.458.472)	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.621.916.749	2.125.987.662
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	324	425
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	29	324	425

Hải Phòng, ngày 14 tháng 05 năm 2026

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Chủ tịch Hội đồng quản trị


Dương Thị Thu Phương


Nguyễn Hữu Đức


Nguyễn Anh Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		4.851.406.296	3.147.486.232
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		5.853.599.515	6.157.714.787
Các khoản dự phòng	03		19.051.706.312	(404.997.326)
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc	04		48.796.356	(92.353.536)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(1.176.867.806)	(29.147.343)
Chi phí lãi vay	06		3.170.410.987	5.602.140.373
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		31.799.051.660	14.380.843.187
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(27.359.067.536)	(1.240.121.979)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(41.601.271.014)	129.614.241.439
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		39.949.193.077	2.893.137.863
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.748.010.052	(346.282.923)
Tiền lãi vay đã trả	14		(3.147.983.231)	(5.638.571.571)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(919.367.994)	(3.338.694.137)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(41.500.000)	(2.912.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		427.065.013	133.412.351.879
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(20.968.019.809)	(1.174.331.648)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		609.440.000	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(44.631.965.856)	(16.542.042.810)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	9.040.317.810
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		567.427.806	29.147.343
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(64.423.117.859)	(8.646.909.305)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		589.097.648.358	477.771.414.379
Tiền trả nợ gốc vay	34		(533.440.208.567)	(581.882.572.168)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(5.991.916.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		55.657.439.791	(116.103.073.989)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã	Thuyết số minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(8.338.613.054)	8.662.368.585
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	22.143.304.133	13.399.202.616
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(2.313.234)	81.732.932
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	13.802.377.845	22.143.304.133

Hải Phòng, ngày 14 tháng 05 năm 2026

Người lập biểu


Dương Thị Thu Phương

Phụ trách kế toán


Nguyễn Hữu Đức

Chủ tịch Hội đồng quản trị




Nguyễn Anh Tuấn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long, (sau đây được gọi là “Công ty”) Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0200344752 ngày 05/03/1999, đã đăng ký thay đổi lần thứ 16 vào ngày 26/8/2025 do Sở tài chính Thành phố Hải Phòng (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng) cấp.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại số 71 Lê Lai, Phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đến ngày 31/12/2025 là 50.000.000.000 đồng chia thành 5.000.000 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó, Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - CTCP góp 13.873.600.000 đồng, chiếm tỷ lệ 27,75%, các cổ đông khác góp 36.126.400.000 đồng, chiếm tỷ lệ 72,25%.

Ngày 18 tháng 10 năm 2001, 5 triệu cổ phiếu của Công ty với mã cổ phiếu “CAN” đã được chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 884 người (tại ngày 31/12/2024 là 950 người).

1.2 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Sản xuất, chế biến, đóng hộp và kinh doanh các mặt hàng thủy, hải sản, súc sản đông lạnh và các thực phẩm khác.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty có các công ty con như sau:

Danh sách các công ty con kiểm soát trực tiếp:

Tên công ty con trực tiếp	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng	Lô C3-4, C3-5, Khu Công nghiệp Dịch vụ Thủy sản Thọ Quang, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Chế biến, bảo quản cá và các sản phẩm từ cá, thịt và các sản phẩm từ thịt, rau củ quả, sản phẩm thức ăn gia súc, gia cầm và các mặt hàng thủy hải sản	100%	100%
Trường mầm non Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long	Số 69, Lê Lai, Phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Dịch vụ chăm sóc trẻ và giáo dục mầm non	100%	100%
Công ty TNHH MTV Thực phẩm Cột Đèn (1)	Số 44 Phố Chùa Quỳnh, Phường Bạch Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Bán buôn, bán lẻ thực phẩm	100%	100%
Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long – Đồng Tháp (2)	Cụm công nghiệp Trường Xuân, Xã Trường Xuân, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Chế biến và bảo quản rau quả	100%	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

(1) Công ty TNHH MTV Thực phẩm Cột Đèn tạm ngừng hoạt động kinh doanh kể từ ngày 15/09/2025 đến ngày 31/05/2026 theo Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐQT ngày 19/05/2025 của Hội đồng quản trị và Giấy xác nhận về việc doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh số 432569/25 ngày 10/09/2025 của Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp – Sở Tài chính Thành phố Hà Nội để xem xét và cân nhắc thêm các phương án kinh doanh, phát triển phù hợp và hiệu quả hơn.

(2) Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long – Đồng Tháp thành lập theo Nghị quyết số 09B/2025/NQ-HĐQT ngày 08/07/2025 của Hội đồng quản trị với số vốn điều lệ đăng ký là 12.000.000.000 đồng (bằng chữ: Mười hai tỷ đồng chẵn) và được Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1402214927 ngày 29/08/2025. Đến ngày 31/12/2025, Công ty chưa thực hiện góp vốn vào Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long – Đồng Tháp.

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán.

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

3.1 CƠ SỞ, MỤC ĐÍCH LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Lãnh đạo phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 NGOẠI TỆ

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong năm bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP nơi Công ty có giao dịch đó tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất được hạch toán vào chỉ phí quản lý doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.6 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: Giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có sự suy giảm giá trị (giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được). Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
- Máy móc, thiết bị	02 - 14
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	02 - 14
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm máy vi tính, và quyền sử dụng đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH (TIẾP)*****Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất do Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp, và tiền sử dụng đất đã trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước ngày hiệu lực của luật đất đai 2003 (tức là ngày 1 tháng 7 năm 2004) và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

3.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: chi phí mua bảo hiểm, công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định, chi phí đi thuê và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 05 - 36 tháng.

Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 05 - 36 tháng.

Chi phí đi thuê: Bao gồm các chi phí thuê văn phòng, thuê quảng cáo,... được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 12 tháng.

3.10 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

3.11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả của Công ty là các chi phí thực tế đã phát sinh trong năm báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong năm, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

3.12 VAY

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các kế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3.13 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

3.14 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của kỳ này.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

3.15 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hoá, cho thuê và doanh thu khác

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.15 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP (TIẾP)****Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Lãi từ đánh giá chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong năm và đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ.

3.16 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán, chi phí trượt giá, lỗ từ đánh giá chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong năm.

3.17 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**Thuế giá trị gia tăng (GTGT)**

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.17 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)***Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.18 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Công ty mẹ, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

3.19 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tiền mặt	188.693.163	317.231.959
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.613.684.682	21.826.072.174
Cộng	13.802.377.845	22.143.304.133

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (*) <u>VND</u>	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2025	12.532.172.202	2.523.390.000	15.055.562.202
31/12/2025	12.532.172.202	2.523.390.000	15.055.562.202
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
01/01/2025	-	(2.244.715.000)	(2.244.715.000)
- Khấu hao trong năm	-	(47.100.000)	(47.100.000)
31/12/2025	-	(2.291.815.000)	(2.291.815.000)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2025	12.532.172.202	278.675.000	12.810.847.202
31/12/2025	12.532.172.202	231.575.000	12.763.747.202

(*) TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định với mục đích ban đầu để xây dựng nhà máy, bao gồm:

- (i) Quyền sử dụng đất cho lô đất có diện tích 10.306 m² tại lô C3-4 và C3-5 thuộc khu Công nghiệp Dịch vụ Thủy sản Thọ Quang, phường Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng với giá trị ghi sổ là 11.258.672.202 đồng;
- (ii) Quyền sử dụng đất không thời hạn cho lô đất có diện tích 290,7 m² tại thửa số 1 địa chỉ số 43/1 đường Phước Long, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa với giá trị ghi sổ là 729.000.000 đồng.
- (iii) Quyền sử dụng đất không thời hạn cho lô đất có diện tích 215,4 m² tại số 43/1 đường Phước Long, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa với giá trị ghi sổ là 544.500.000 đồng.

Ngày 20 tháng 7 năm 2016, Công ty đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 77/2016/VCB ĐN với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng để thế chấp quyền sử dụng lô đất tại Đà Nẵng (giá trị ghi sổ là 11.258.672.202 đồng) làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng, công ty con, với ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

Số 71 Lê Lai, Phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Mẫu số B09-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	66.935.215.428	(2.291.301.199)	55.263.743.196	(1.979.300.869)
- Công ty I. Schroeder	14.684.115.162	-	-	-
- Công ty Amanda Seafoods A/S	8.723.693.868	-	1.285.601.500	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Wincommerce	6.221.530.574	(226.292.591)	6.068.364.221	(239.283.555)
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Cà phê Cao Nguyên	1.057.200.000	-	5.343.733.280	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Andy	99.095.413	-	18.171.506.069	-
- Phải thu khách hàng khác	36.149.580.411	(2.065.008.608)	24.394.538.126	(1.740.017.314)
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	66.935.215.428	(2.291.301.199)	55.263.743.196	(1.979.300.869)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngân hạn	21.191.074.821	(6.287.623.685)	8.160.391.793	(6.136.528.618)
- Phải thu từ các cá nhân về thuế GTGT (1)	5.054.991.698	(5.054.991.698)	5.054.991.698	(5.054.991.698)
- Ký cược, ký quỹ (2)	13.990.929.937	-	313.466.373	-
- Phải thu khác	2.145.153.186	(1.232.631.987)	2.791.933.722	(1.081.536.920)
b) Dài hạn	718.891.444	-	670.164.171	-
- Ký cược, ký quỹ	718.891.444	-	670.164.171	-
Cộng	21.909.966.265	(6.287.623.685)	8.830.555.964	(6.136.528.618)

- (1) Phải thu từ các cá nhân và dự phòng tương ứng liên quan đến thuế GTGT phải nộp Nhà nước với số tiền gốc ban đầu là 5.458.254.250 đồng, được ghi nhận phù hợp với Bản án phúc thẩm số 03/HSPT ngày 12 tháng 1 và 13 tháng 1 năm 2005 do Tòa án Nhân dân Tối cao - Tòa Phúc thẩm tại Hà Nội ban hành. Năm 2022, Công ty đã thực hiện xử lý tài chính số tiền 403.262.552 đồng không còn khả năng thu hồi theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính.
- (2) Tại ngày 31/12/2025, số dư các khoản ký cược, ký quỹ ngân hạn bao gồm khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với giá trị 7.000.000.000 đồng (bằng chữ: Bảy tỷ đồng chẵn) theo Hợp đồng tiền gửi số 01/126914/HĐTG/NCB. Khoản tiền gửi có lãi suất 4,3%/năm, kỳ hạn 12 tháng. Hiện tại, khoản tiền gửi này đang được cầm cố để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng cầm cố số dư tiền gửi có kỳ hạn số 126914/2024/HĐTG.01 ngày 18/11/2024 (Chi tiết tại thuyết minh số 13).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	274.400.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	87.196.986.057	(4.970.452.612)	58.378.219.801	(1.706.626.030)
Công cụ, dụng cụ	1.777.907.200	(38.968.025)	1.737.860.343	(63.665.179)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.787.008.896	(337.757.022)	5.991.022.713	(423.722.939)
Thành phẩm	64.606.830.821	(7.739.530.742)	53.548.472.842	(551.178.569)
Hàng hóa	15.000.801.520	(306.989.650)	28.324.330.113	(194.749.954)
Hàng gửi bán (*)	15.486.042.332	(6.234.937.235)	-	-
Cộng	189.855.576.826	(19.628.635.286)	148.254.305.812	(2.939.942.671)

(*) Số dư hàng gửi đi bán của Công ty là hàng hóa và thành phẩm đã bán và đang trong quá trình thu hồi do bên mua hàng hoàn trả theo các Biên bản trả hàng đã ký xác nhận giữa Công ty và bên mua hàng. Đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất này, toàn bộ số hàng hóa và thành phẩm nêu trên đã được thu hồi nhập về kho của Công ty. Giá trị hàng hóa và thành phẩm thu hồi đã được Công ty điều chỉnh giảm vào chi tiêu "Các khoản giảm trừ doanh thu" và "Giá vốn hàng bán" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Chi tiết tại thuyết minh số 21). Đồng thời, Công ty đã thực hiện phân loại và trích lập dự phòng đối với các hàng hóa, thành phẩm nêu trên theo đúng quy định hiện hành.

9. NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị Dự phòng VND
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
Phải thu khách hàng	66.935.215.428	64.643.914.229	(2.291.301.199)	55.263.743.196
Phải thu khác	21.909.966.265	15.622.342.580	(6.287.623.685)	8.830.555.964
Trả trước cho người bán	15.573.847.546	15.180.316.408	(393.531.138)	7.482.289.214
Cộng	104.419.029.239	95.446.573.217	(8.972.456.022)	71.576.588.374
			62.618.324.549	(8.958.263.825)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

9. NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI (TIẾP)

Biến động về dự phòng cho các khoản nợ khó đòi trong năm như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Số dư đầu năm	8.958.263.825	8.616.334.729
Tăng dự phòng	699.684.625	631.685.195
Hoàn nhập dự phòng	(131.589.228)	(289.756.099)
Xóa sổ	(553.903.200)	-
Số dư cuối năm	8.972.456.022	8.958.263.825

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn	1.265.206.079	2.436.289.663
- Chi phí mua bảo hiểm	15.177.317	76.805.075
- Chi phí sửa chữa và bảo dưỡng	153.972.707	472.501.358
- Chi phí đi thuê	-	419.136.362
- Chi phí công cụ, dụng cụ	223.977.004	731.367.909
- Các khoản khác	872.079.051	736.478.959
b) Dài hạn	2.550.656.700	3.127.583.168
- Nghĩa vụ khôi phục và hoàn trả mặt bằng	1.934.991.748	2.083.787.500
- Chi phí sửa chữa và bảo dưỡng	52.088.062	584.295.457
- Các khoản khác	563.576.890	459.500.211
Cộng	3.815.862.779	5.563.872.831

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dùng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2025	50.337.767.490	91.530.178.972	5.634.135.117	77.183.314	147.579.264.893
- Mua trong năm	92.297.162	13.777.813.801	120.000.000	-	13.990.110.963
- Thanh lý, nhượng bán	(263.183.182)	(9.055.863.765)	(144.897.981)	-	(9.463.944.928)
31/12/2025	50.166.881.470	96.252.129.008	5.609.237.136	77.183.314	152.105.430.928
HAO MÓN LŨY KẾ					
01/01/2025	(41.442.622.725)	(74.796.919.959)	(3.213.295.017)	(77.183.314)	(119.530.021.015)
- Khấu hao trong năm	(1.047.536.128)	(4.404.080.001)	(354.883.386)	-	(5.806.499.515)
- Phân loại lại	(18.199.041)	18.199.041	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	263.183.182	9.055.863.765	144.897.981	-	9.463.944.928
31/12/2025	(42.245.174.712)	(70.126.937.154)	(3.423.280.422)	(77.183.314)	(115.872.575.602)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2025	8.895.144.765	16.733.259.013	2.420.840.100	-	28.049.243.878
31/12/2025	7.921.706.758	26.125.191.854	2.185.956.714	-	36.232.855.326

- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay tại ngày 31/12/2025 là 12.227.718.523 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 4.915.422.806 đồng);
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 66.005.627.513 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 59.351.073.545 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HÓP HẠ LONG

Số 71 Lê Lai, Phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Mẫu số B09-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	38.298.495.412	38.298.495.412	34.520.187.957	34.520.187.957
- Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thực phẩm Hạ Long	5.137.425.363	5.137.425.363	10.999.594.950	10.999.594.950
- Công ty TNHH Việt Nam Chuan Li Can	5.465.878.477	5.465.878.477	3.462.349.715	3.462.349.715
- Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu	4.807.585.171	4.807.585.171	5.077.996.110	5.077.996.110
- Phải trả người bán khác	22.887.606.401	22.887.606.401	14.980.247.182	14.980.247.182
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	38.298.495.412	38.298.495.412	34.520.187.957	34.520.187.957

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	31/12/2025		Trong năm		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	122.638.567.861	122.638.567.861	579.233.533.636	532.747.057.216	76.152.091.441	76.152.091.441
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Hải Phòng	3.571.648.743	3.571.648.743	91.694.372.896	115.131.589.750	27.008.865.597	27.008.865.597
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh TP. Hải Phòng	49.996.692.986	49.996.692.986	273.170.240.450	264.148.780.879	40.975.233.415	40.975.233.415
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	21.527.959.967	21.527.959.967	21.527.959.967	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	47.542.266.165	47.542.266.165	192.840.960.323	153.466.686.587	8.167.992.429	8.167.992.429
Vay dài hạn	9.247.114.722	9.247.114.722	12.739.514.722	747.000.000	130.000.000	130.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh TP. Hải Phòng	2.875.400.000	2.875.400.000	2.875.400.000	-	-	-
- Ngân hàng TNHH MTV Public Bank Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	10.000.000	10.000.000	-	120.000.000	130.000.000	130.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	6.361.714.722	6.361.714.722	6.988.714.722	627.000.000	-	-
Cộng	131.885.682.583	131.885.682.583	591.973.048.358	533.494.057.216	76.282.091.441	76.282.091.441

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Bên cho vay và hợp đồng vay	Hạn mức	Số dư tại ngày 31/12/2025	Thời hạn hoàn trả gốc và lãi	Lãi suất	Mục đích khoản vay	Hình thức bảo đảm
	VND	VND				
Vay ngắn hạn	205.000.000.000	122.638.567.861				
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Hải Phòng	30.000.000.000	3.571.648.743	Gốc vay trả trong 4 tháng, lãi vay trả hàng tháng.	4,5-6,3% /năm	Bổ sung vốn lưu động.	Tài sản bảo đảm là: - Máy móc thiết bị đã qua sử dụng theo các hợp đồng thế chấp 22/2018/HĐTC-CAN, 22A/2018/HĐTC/CAN, 02.2019/HĐTC-CAN - Hợp đồng Cầm cố số dư tiền gửi có kỳ hạn số 126914/2024/HĐTG.01 ngày 18/11/2024.
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh TP. Hải Phòng	50.000.000.000	49.996.692.986	Gốc vay trả trong 4 tháng, lãi vay trả hàng tháng.	4,5-6,1% /năm	Bổ sung vốn lưu động.	Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại địa chỉ 71 Lê Lai, Phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.
- Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hải Phòng	45.000.000.000	21.527.959.967	Quy định tại Khế ước nhận nợ	Quy định tại Khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động.	Không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Bên cho vay và hợp đồng vay	Hạn mức	Số dư tại ngày 31/12/2025	Thời hạn hoàn trả gốc và lãi	Lãi suất	Mục đích khoản vay	Hình thức bảo đảm
	VND	VND				
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	80.000.000.000	47.542.266.165	Quy định cụ thể trên từng Giấy nhận nợ, lãi vay trả hàng tháng.	Quy định cụ thể trên từng Giấy nhận nợ.	Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động kinh doanh theo kế hoạch kinh doanh của khách hàng nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư Tài sản có định.	Tài sản đảm bảo gồm: - Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 77/2016/VCB-ĐN ngày 20 tháng 07 năm 2016 và các phụ lục/hợp đồng sửa đổi, bổ sung (nếu có); - Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 41/2016/VCB-ĐN ngày 28 tháng 04 năm 2016 và các phụ lục/hợp đồng sửa đổi, bổ sung (nếu có); - Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 21/2021/VCB-ĐN ngày 29 tháng 06 năm 2016 và các phụ lục/hợp đồng sửa đổi, bổ sung (nếu có); - Hợp đồng thế chấp Hàng hóa số 194/2023/VCB-ĐN ngày 15 tháng 09 năm 2023 và các phụ lục/hợp đồng sửa đổi, bổ sung (nếu có);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Bên cho vay và hợp đồng vay	Hạn mức	Số dư tại ngày 31/12/2025	Thời hạn hoàn trả gốc và lãi	Lãi suất	Mục đích khoản vay	Hình thức bảo đảm
	VND	VND				
Vay dài hạn	109.200.000.000	9.247.114.722				
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	105.000.000.000	6.361.714.722	Thời hạn cho vay tối đa là 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay đầu tiên, lãi vay trả hàng tháng.	Lãi suất cho vay là 5,1%/năm trong thời gian cố định lãi suất và được tính dựa trên lãi suất cơ sở + biên độ 2,5%/năm sau thời gian cố định lãi suất	Tài trợ cho các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ liên quan đến việc đầu tư nâng cấp hệ thống Máy móc thiết bị của Công ty TNHH MTV Đồ Hộp Hạ Long - Đà Nẵng	Tài sản đảm bảo là Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 125/2025/VCB-ĐN ngày 02 tháng 06 năm 2025 và các phụ lục/hợp đồng sửa đổi, bổ sung (nếu có).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Bên cho vay và hợp đồng vay	Hạn mức VND	Số dư tại ngày 31/12/2025 VND	Thời hạn hoàn trả gốc và lãi	Lãi suất	Mục đích khoản vay	Hình thức bảo đảm
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh TP. Hải Phòng	3.600.000.000	2.875.400.000	Gốc vay trả trong 60 tháng, lãi vay trả hàng tháng.	Lãi suất cho vay là 6,8%/ năm trong thời gian cố định lãi suất	Đầu tư máy móc, thiết bị.	Tài sản đảm bảo là máy móc thiết bị theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2025/HĐTC-HL ngày 01/12/2025.
- Ngân hàng TNHH MTV Public Bank Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	600.000.000	10.000.000	Gốc vay trả trong 60 tháng, lãi vay trả hàng tháng.	8,95 - 9,2%/năm động	Bổ sung vốn lưu động	Tài sản đảm bảo là xe ô tô Kia Sorento 2.4 GAT PREMIUM.
Cộng	314.200.000.000	131.885.682.583				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số đã khấu trừ /phân loại trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp					
- Thuế giá trị gia tăng	2.388.939.858	44.240.236.454	22.830.859.707	21.591.209.893	2.207.106.712
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	406.494.400	4.269.093.642	919.367.994	-	3.756.220.048
- Thuế thu nhập cá nhân	215.053.513	2.513.230.316	2.405.430.538	209.737.710	113.115.581
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	703.710.682	703.710.682	-	-
- Các loại thuế khác	-	333.314.998	258.669.507	-	74.645.491
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	14.964	689.993.698	689.973.698	-	34.964
Cộng	3.010.502.735	52.749.579.790	27.808.012.126	21.800.947.603	6.151.122.796
	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số đã khấu trừ /phân loại trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu					
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.198.577	34.198.577	-	-	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	446.973.950	-	-	-	446.973.950
Cộng	481.172.527	34.198.577	-	-	446.973.950

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	34.494.718.053	9.344.019.393
- Hàng bán bị trả lại (*)	24.455.842.172	-
- Chi phí hỗ trợ nhà phân phối	4.082.741.398	5.081.879.857
- Thưởng kinh doanh nhân viên bán hàng	3.084.130.737	1.565.204.331
- Các khoản trích trước khác	2.872.003.746	2.696.935.205
b) Dài hạn	-	-
Cộng	34.494.718.053	9.344.019.393

(*) Số dư hàng bán bị trả lại của Công ty là hàng hóa và thành phẩm đã bán và đang trong quá trình thu hồi do bên mua hàng hoàn trả theo các Biên bản trả hàng đã ký xác nhận giữa Công ty và bên mua hàng. Đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất này, toàn bộ số hàng hóa và thành phẩm nêu trên đã được thu hồi nhập về kho của Công ty. Giá trị hàng hóa và thành phẩm thu hồi đã được Công ty điều chỉnh giảm vào chỉ tiêu “Các khoản giảm trừ doanh thu” và “Giá vốn hàng bán” trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (*Chi tiết tại thuyết minh số 20*). Đồng thời, Công ty đã thực hiện phân loại và trích lập dự phòng đối với các hàng hóa, thành phẩm nêu trên theo đúng quy định hiện hành.

16. PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.195.008.619	1.150.921.377
- Kinh phí công đoàn	311.595.268	432.549.250
- Bảo hiểm y tế	218.062.038	216.924.604
- Bảo hiểm thất nghiệp	25.818.277	26.065.218
- Cổ tức phải trả	117.114.750	117.114.750
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	19.500.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	522.418.286	338.767.555
b) Dài hạn	282.500.163	300.500.163
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	18.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	282.500.163	282.500.163
Cộng	1.477.508.782	1.451.421.540

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

17. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	2.100.000.000	-
- Dự phòng phải trả khác	2.100.000.000	-
b) Dài hạn	4.813.851.133	4.565.029.633
- Dự phòng khôi phục và hoàn trả mặt bằng (*)	4.813.851.133	4.565.029.633
Cộng	6.913.851.133	4.565.029.633

(*) Đây là khoản dự phòng chi phí khôi phục và hoàn trả mặt bằng cho khu đất thuê của Công ty khi kết thúc thời hạn thuê tại số 71 Lê Lai, Phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam theo Hợp đồng thuê đất số 11/HĐ/TĐ ký ngày 15 tháng 3 năm 1999 giữa Công ty và Sở Tài nguyên và Môi trường (trước đây là Sở Địa chính) Thành phố Hải Phòng. Theo đó, Công ty có nghĩa vụ khôi phục và hoàn trả mặt bằng vào cuối thời hạn hợp đồng thuê.

Biến động dự phòng phải trả trong năm như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Số dư đầu năm	4.565.029.633	4.415.646.853
Ảnh hưởng của yếu tố thời gian của nghĩa vụ khôi phục và hoàn trả mặt bằng	248.821.500	149.382.780
Số dư cuối năm	4.813.851.133	4.565.029.633

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2024	50.000.000.000	15.753.387.350	29.020.260.148	56.999.722.700	151.773.370.198
- Lợi nhuận năm trước	-	-	-	2.125.987.662	2.125.987.662
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(7.950.000.000)	(7.950.000.000)
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(750.000.000)	(750.000.000)
+ Chia cổ tức	-	-	-	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
+ Thưởng	-	-	-	(1.200.000.000)	(1.200.000.000)
31/12/2024	50.000.000.000	15.753.387.350	29.020.260.148	51.175.710.362	145.949.357.860
01/01/2025	50.000.000.000	15.753.387.350	29.020.260.148	51.175.710.362	145.949.357.860
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	1.621.916.749	1.621.916.749
31/12/2025	50.000.000.000	15.753.387.350	29.020.260.148	52.797.627.111	147.571.274.609

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**18.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - CTCP	13.873.600.000	13.873.600.000
- Ông Phạm Hữu Quý Lâm	-	4.381.200.000
- Landial Pte Ltd.	-	7.324.000.000
- Ông Low Say Pun	-	3.845.000.000
- Ông Nguyễn Văn Bình	3.363.000.000	3.363.000.000
- Bà Lê Minh Hà	-	2.741.900.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	32.763.400.000	14.471.300.000
Cộng	50.000.000.000	50.000.000.000

18.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	50.000.000.000	50.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ tức đã chia	-	6.000.000.000

18.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2025	01/01/2025
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Doanh thu bán thành phẩm	618.997.638.505	596.099.546.505
- Doanh thu bán hàng hóa	87.853.852.601	97.904.993.277
- Doanh thu dịch vụ chăm sóc trẻ và giáo dục mầm non	1.836.605.000	1.977.058.000
- Doanh thu khác	1.387.601.406	545.993.557
Cộng	710.075.697.512	696.527.591.339

20. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Trong đó:		
+ Chiết khấu thương mại	16.739.263.236	14.142.979.720
+ Hàng bán bị trả lại	29.563.319.681	574.282.104
Cộng	46.302.582.917	14.717.261.824

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	433.561.521.878	477.104.218.808
- Giá vốn hàng hóa đã bán	74.528.160.101	65.547.044.638
- Giá vốn dịch vụ chăm sóc trẻ và giáo dục mầm non	1.860.792.702	1.998.228.598
- Dự phòng/(Hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	16.688.692.615	(86.769.018)
Cộng	526.639.167.296	544.562.723.026

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	567.427.806	29.147.343
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.157.748.602	2.698.997.537
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	-	92.353.536
Cộng	3.725.176.408	2.820.498.416

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	3.170.410.987	5.602.140.373
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	386.493.206	2.511.312.789
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	48.796.356	-
- Ảnh hưởng của yếu tố thời gian của nghĩa vụ khôi phục và hoàn trả mặt bằng	248.821.500	149.382.780
- Chi phí tài chính khác	1.437.765.790	457.314.752
Cộng	5.292.287.839	8.720.150.694

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	30.696.099.040	31.651.364.668
- Chi phí nhân viên quản lý	17.521.334.800	17.405.367.625
- Chi phí khấu hao TSCĐ	354.563.988	457.358.954
- Thuế, phí và lệ phí	860.044.302	1.584.428.587
- Chi phí công tác	476.255.670	1.365.017.438
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.512.175.790	6.599.103.136
- Chi phí bằng tiền khác	4.154.833.341	3.749.364.122
- Trích lập/hoàn nhập dự phòng nợ khó đòi	2.816.891.149	490.724.806
b) Các khoản chi phí bán hàng	100.877.741.791	96.723.816.555
- Chi phí nhân viên	48.950.205.186	51.163.911.920
- Chi phí hỗ trợ nhà phân phối	16.158.927.474	14.463.639.243
- Chi phí vận chuyển, bốc dỡ hàng hóa	14.469.080.100	13.020.548.424
- Chi phí khấu hao TSCĐ	63.984.306	60.705.884
- Chi phí công tác	2.766.739.866	3.316.311.804
- Chi phí quảng cáo, tiếp thị bán hàng	4.470.608.702	3.745.526.964
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.600.667.711	7.842.977.870
- Chi phí bằng tiền khác	7.397.528.446	3.110.194.446
Cộng	131.573.840.831	128.375.181.223

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Chi phí nguyên vật liệu	445.537.548.588	411.901.659.754
- Chi phí nhân công	141.656.946.410	138.558.112.609
- Chi phí khấu hao TSCĐ	5.853.599.515	6.147.714.787
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.758.361.775	54.849.057.690
- Chi phí bằng tiền khác	67.313.923.819	33.304.259.817
Cộng	710.120.380.107	644.760.804.657

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Công ty CP Đồ hộp Hạ Long	664.640.798	966.844.261
Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long - Đà Nẵng	3.547.307.221	54.654.309
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	4.211.948.019	1.021.498.570

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

27.1 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Giá trị tài sản thuế TNDN hoãn lại	4.912.292.362	-
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	982.458.472	-

27.2 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(982.458.472)	-

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2025	Năm 2024
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.621.916.749	2.125.987.662
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	324	425

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

29. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ban Lãnh đạo Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu pha loãng giá trị cổ phiếu do đó lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

30. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Doanh thu chính của Công ty là sản xuất, chế biến, đóng hộp và xuất khẩu các mặt hàng thủy, hải sản, súc sản đông lạnh. Báo cáo bộ phận bao gồm doanh thu, giá vốn bộ phận theo vị trí địa lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả do Công ty không theo dõi tài sản và nợ phải trả theo từng bộ phận doanh thu và giá vốn.

Trong năm 2024

	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Cộng VND
Năm trước			
Doanh thu thuần	525.239.716.336	156.570.613.179	681.810.329.515
Giá vốn	391.013.578.957	153.549.144.069	544.562.723.026
Lợi nhuận gộp	134.226.137.379	3.021.469.110	137.247.606.489
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(128.375.181.223)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			8.872.425.266
Doanh thu hoạt động tài chính			2.820.498.416
Chi phí tài chính			(8.720.150.694)
Thu nhập khác			830.192.844
Chi phí khác			(655.479.600)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.021.498.570)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			2.125.987.662

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

30. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**Trong năm 2025**

	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Cộng VND
Năm nay			
Doanh thu thuần	491.196.828.221	172.576.286.374	663.773.114.595
Giá vốn	377.223.478.086	149.415.689.210	526.639.167.296
Lợi nhuận gộp	113.973.350.135	23.160.597.164	137.133.947.299
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(131.573.840.831)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			5.560.106.468
Doanh thu hoạt động tài chính			3.725.176.408
Chi phí tài chính			(5.292.287.839)
Thu nhập khác			1.606.513.296
Chi phí khác			(748.102.037)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(4.211.948.019)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			982.458.472
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			1.621.916.749

31. THÔNG TIN KHÁC**31.1 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ngày 10 tháng 01 năm 2026, Công ty đã công bố thông tin liên quan đến việc nhận được thông báo của Cơ quan Cảnh sát điều tra Thành phố Hải Phòng về việc tạm giữ ông Trương Sỹ Toàn – Tổng Giám đốc của Công ty để phục vụ công tác điều tra. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty chưa nhận được thêm bất kỳ thông tin hay kết luận chính thức nào khác từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do đó, Công ty chưa ghi nhận các ảnh hưởng (nếu có) phát sinh từ sự kiện này trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025.

Nhằm đảm bảo hoạt động ổn định của Công ty, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 02A/2026/NQ-HĐQT và Nghị quyết số 02B/2026/NQ-HĐQT ngày 10/01/2026 quyết định tạm dừng ngắn hạn hoạt động sản xuất tại Nhà máy đồ hộp Hạ Long – Hải Phòng và thống nhất giao ông Cao Nhật Huy – Phó Giám đốc Sản xuất thực hiện quyền điều hành tạm thời nhà máy Đồ hộp Hạ Long – Hải Phòng trong thời gian Tổng Giám đốc Công ty tạm vắng mặt.

Ban Lãnh đạo Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Lãnh đạo, trên các khía cạnh trọng yếu, ngoài thông tin trên, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

31. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

31.2 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, Bên liên quan của Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 23/4/2025)
- Ông Kek Chin Ann	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 23/4/2025)
- Ông Nguyễn Thành Trung	Phó Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Tuấn Điệp	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 23/4/2025)
- Bà Ngô Hà Chi	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 23/4/2025)
- Ông Bùi Quốc Hưng	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 23/4/2025)
- Ông Trần Hữu Hoàng	Thành viên HĐQT
- Ông Wilson Cheah Hui Pin	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 23/4/2025)
- Ông Trương Sỹ Toàn	Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Đức Hạnh	Trưởng Ban Kiểm soát (Bổ nhiệm từ ngày 23/4/2025)
- Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Trưởng Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm từ ngày 23/4/2025)
- Ông Nguyễn Mạnh Tuấn Vũ	Thành viên BKS
- Ông Nguyễn Việt Hoàng	Thành viên BKS (Bổ nhiệm từ ngày 23/4/2025)
- Bà Trần Thị Minh Mẫn	Thành viên BKS (Miễn nhiệm từ ngày 23/4/2025)
- Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - CTCP	Công ty liên kết
- Chi nhánh Seaprodex Hải Phòng - TCT Thủy sản Việt Nam - CTCP	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Bán hàng hóa, dịch vụ	-	2.400.000
- Chi nhánh Seaprodex Hải Phòng – TCT Thủy sản Việt Nam - CTCP	-	2.400.000
Mua hàng hóa, dịch vụ	-	255.808.478
- Chi nhánh Seaprodex Hải Phòng – TCT Thủy sản Việt Nam - CTCP	-	255.808.478
Các hoạt động tài chính		
Chia cổ tức cho cổ đông:	-	6.000.000.000
- Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - CTCP	-	1.664.832.000
- Cổ đông khác	-	4.335.168.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

31. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**31.2 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)****Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên quản lý chủ chốt**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt	2.233.000.000	2.366.000.000
- Thù lao của các thành viên HĐQT, BKS	2.945.733.328	4.575.202.995
Cộng	5.178.733.328	6.941.202.995

Chi tiết thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên quản lý chủ chốt

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
- Ông Kek Chin Ann	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 23/4/2025)	142.954.855	569.913.208
- Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 23/4/2025)	291.926.277	-
- Ông Nguyễn Thành Trung	Phó Chủ tịch HĐQT	362.566.038	498.603.774
- Ông Nguyễn Tuấn Điệp	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 23/4/2025)	229.236.897	-
- Bà Ngô Hà Chi	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 23/4/2025)	229.236.897	-
- Ông Bùi Quốc Hưng	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 23/4/2025)	106.914.046	457.095.339
- Ông Wilson Cheah Hui Pin	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 23/4/2025)	910.947.379	2.024.695.339
- Ông Trần Hữu Hoàng	Thành viên HĐQT	345.150.943	513.095.339
- Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Trưởng BKS (Miễn nhiệm từ ngày 23/4/2025)	47.888.888	208.799.996
- Ông Nguyễn Đức Hạnh	Trưởng BKS (Bổ nhiệm từ ngày 23/4/2025)	103.711.108	-
- Ông Nguyễn Việt Hoàng	Thành viên BKS (Bổ nhiệm từ ngày 23/4/2025)	59.800.000	-
- Ông Nguyễn Mạnh Tuấn Vũ	Thành viên BKS	87.600.000	151.500.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

31. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**31.2 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)****Chi tiết thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên quản lý chủ chốt (tiếp)**

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Bà Lã Thị Quy	Thành viên BKS (Miễn nhiệm từ ngày 20/4/2024)	-	93.100.000
- Bà Trần Thị Minh Mẫn	Thành viên BKS (Miễn nhiệm từ ngày 23/4/2025)	27.800.000	58.400.000
- Ông Trương Sỹ Toàn	Tổng Giám đốc	1.549.000.000	1.596.000.000
- Bà Bùi Thị Hường	Kế toán trưởng (Từ nhiệm từ ngày 26/8/2025)	564.000.000	770.000.000
- Ông Nguyễn Hữu Đức	Phụ trách kế toán (Bổ nhiệm từ ngày 26/8/2025)	120.000.000	-
Cộng		5.178.733.328	6.941.202.995

31.3 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Liên quan đến vụ việc nêu tại Thuyết minh số 30.1, ngày 08/01/2026, Tổ chức chứng nhận ISO đã gửi thông báo tạm đình chỉ hiệu lực Chứng nhận ISO 22000:2018 của Công ty cho đến khi có kết luận điều tra, đồng thời đề nghị Công ty thực hiện giải trình và cung cấp các hồ sơ, bằng chứng liên quan. Tuy nhiên, trong giai đoạn này, một số nhân sự chủ chốt của Công ty đang phối hợp phục vụ công tác điều tra nên việc làm việc và cung cấp hồ sơ cho tổ chức chứng nhận bị gián đoạn. Theo đó, ngày 10/01/2026, tổ chức chứng nhận đã ban hành quyết định số 2026-002/QĐ-CERT thu hồi Chứng chỉ ISO 22000:2018 của Công ty.

Công ty đã tạm ngừng hoạt động sản xuất nhằm ổn định tình hình và thực hiện các biện pháp khắc phục cần thiết. Đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty đã thuê đơn vị tư vấn để cải tạo nhà xưởng, rà soát quy trình sản xuất, thu hẹp quy mô hoạt động và làm việc trở lại với tổ chức chứng nhận để thực hiện đánh giá cấp mới Chứng nhận ISO 22000:2018.

Ban Lãnh đạo Công ty tin tưởng rằng, sau khi hoàn thành các biện pháp khắc phục và đáp ứng các yêu cầu của tổ chức chứng nhận, Công ty sẽ được xem xét cấp lại Chứng nhận ISO 22000:2018 và từng bước khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường. Theo đó, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty vẫn được trình bày trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

Số 71 Lê Lai, Phường Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

MẪU SỐ B09-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)


31. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

31.4 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long đã được kiểm.

Hải Phòng, ngày 14 tháng 05 năm 2026

Người lập biểu



Dương Thị Thu Phương

Phụ trách kế toán



Nguyễn Hữu Đức

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Anh Tuấn

